

最后更新20.09.2026 05:28:09

前排序表

| 序号 | 姓名                          | 国棋ID | 会   | 等分 | 俱部/城市                 |
|----|-----------------------------|------|-----|----|-----------------------|
| 1  | Bùi, Minh Anh (Nữ)          |      | VIE | 0  | Clb Sơn Tây           |
| 2  | Bùi, Trí Đức                |      | VIE | 0  | Tự Do                 |
| 3  | Đào, Bảo Ngọc (Nữ)          |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 4  | Đỗ, Đức An                  |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 5  | Đỗ, Minh Khuê (Nữ)          |      | VIE | 0  | Captain Chess Hà Đông |
| 6  | Đỗ, Thảo Nguyên (Nữ)        |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 7  | Hồ, Gia Hân (Nữ)            |      | VIE | 0  | Captain Chess Hà Đông |
| 8  | Kiều, Tiến Huy              |      | VIE | 0  | Tiểu Học Thạch Hòa    |
| 9  | Lê, Vương Diệp Chi (Nữ)     |      | VIE | 0  | Clb Quốc Oai          |
| 10 | Nguyễn, Bình Minh           |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 11 | Nguyễn, Công Gia Khang      |      | VIE | 0  | Clb Thiên Trường      |
| 12 | Nguyễn, Đình Phúc           |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 13 | Nguyễn, Đình Quốc An        |      | VIE | 0  | Clb Quốc Oai          |
| 14 | Nguyễn, Đức Anh             |      | VIE | 0  | Clb Sơn Tây           |
| 15 | Nguyễn, Đức Duy             |      | VIE | 0  | Clb Sơn Tây           |
| 16 | Nguyễn, Đức Thịnh           |      | VIE | 0  | Clb Ba Vì             |
| 17 | Nguyễn, Duy Minh            |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 18 | Nguyễn, Gia Bảo             |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 19 | Nguyễn, Kim Thư (Nữ)        |      | VIE | 0  | Clb Sơn Tây           |
| 20 | Nguyễn, Linh Đan (Nữ)       |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 21 | Nguyễn, Quang Minh          |      | VIE | 0  | Tự Do                 |
| 22 | Nguyễn, Thành Đạt           |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 23 | Phạm, Hồng Anh              |      | VIE | 0  | Clb Sơn Tây           |
| 24 | Phan, Duy Minh Khang        |      | VIE | 0  | Clb Quốc Oai          |
| 25 | Phan, Trần Kiều Ngân (Nữ)   |      | VIE | 0  | Clb Quốc Oai          |
| 26 | Tổng, Hồ Minh Kiên          |      | VIE | 0  | Babychess             |
| 27 | Trần, Trọng Biên Sơn        |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 28 | Trịnh, Minh Đức             |      | VIE | 0  | Clb Hoàng Gia         |
| 29 | Trương, Phạm Đan Thanh (Nữ) |      | VIE | 0  | Clb Vietchess         |

你找到次比所有数据在 <https://chess-results.com/tnr1500055.aspx?lan=33>

国象棋比成服器: Chess-Results